

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

SỐ: 12/F00059

CHO MỤC ĐÍCH: SẢN XUẤT

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

ĐẠI DIỆN LÀ: ĐIỆN LỰC BẾN LỨC

(Bên bán điện)

và

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG TÂM

(Bên mua điện)

Mã tỉnh (TP):
80

Mã huyện:
803

Mã loại hợp đồng:
0

Mã khách hàng:
PB06060014642

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành;

Hôm nay, ngày 15 tháng 02 năm 2012, tại Điện Lực Bến Lức

Chúng tôi gồm:

1. Bên bán điện: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM (TNHH)

Địa chỉ: 72 Hai Bà Trưng, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300942001 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/04/2010.

Đơn vị được ủy quyền: ĐIỆN LỰC BẾN LỨC

Đại diện là Ông: **LÊ HOÀNG OANH**

Chức vụ: Giám Đốc

Theo giấy ủy quyền số:8305/UQ-EVN SPC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Giám Đốc Tổng Công Ty Điện lực Miền Nam.

Địa chỉ: 199 Quốc lộ 1A, Khu phố 3, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mã số thuế: 0300942001-017

Tài khoản số: 102010000279983 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Lức

Tài khoản số: 6603201000610 tại Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Bến Lức

Tài khoản số: 68010000103225 tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu Tư Và Phát Triển Long An – Phòng Giao Dịch Bến Lức

Tài khoản số: 1121000181008 tại Ngân Hàng TMCP An Bình – Phòng Giao Dịch Bến Lức

Số điện thoại: 072.3871286

Số Fax: 072.3872395

Số điện thoại liên lạc trường hợp khẩn cấp:

- Trưởng phòng Kinh doanh : 0963.159.636;
- Phó Giám đốc Kinh doanh : 0963.630.827;
- Giám Đốc Điện Lực : 0962.522.252.

Được gọi là Bên bán điện

2. Bên mua điện: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG TÂM

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Thuận Đạo, thị trấn Bến lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 502032000050 do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Tỉnh Long An cấp ngày 20/09/2011

Đại diện là Ông (Bà): **NGUYỄN THANH QUANG** Chức vụ Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 10/2011/UQ-BGD/KCN của Công ty Cổ Phần KCN Đồng Tâm ngày 09/11/2011

Số CMT/Hộ chiếu. 023175379 Nơi cấp Công An Tp.HCM

Ngày cấp 08/03/2011

Địa chỉ: Số 212/1/17 Thoại Ngọc Hầu, P.Phú Thạnh, Tân Phú, Tp.HCM

Số điện thoại: 0918977925

Mã số thuế: 1100582970

Được gọi là Bên mua điện

Hai bên thỏa thuận và cùng ký kết.

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

- 1.1.** Phụ lục bản hợp đồng này là những điều khoản qui định chi tiết thi hành những điều khoản cơ bản của hợp đồng này. Nội dung phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý bắt buộc các bên phải thi hành như nội dung cơ bản của hợp đồng.
- 1.2.** Sự kiện bất khả kháng: Là sự kiện, tình huống hoặc sự kết hợp các sự kiện hoặc tình huống được nêu dưới đây làm ngăn cản toàn bộ hay một phần, gây trì hoãn cho một Bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này, nhưng chỉ khi các sự kiện hoặc tình huống đó thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
 - Xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của Bên bị ảnh hưởng.
 - Không do lỗi hoặc sự bất cẩn của Bên bị ảnh hưởng.
 - Không thể tránh được cho dù Bên bị ảnh hưởng đã nỗ lực áp dụng các biện pháp khắc phục cần thiết.

Bất khả kháng bao gồm:

- a. Thiên tai bao gồm: bão, động đất, sét cao hơn cấp, mức hoặc tần suất thiết kế, hỏa hoạn, hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước hoặc các hiện tượng tự nhiên khác ảnh hưởng trực tiếp đến việc cấp điện của Bên bán điện và nhận điện của Bên mua điện.
- b. Chiến tranh, xung đột vũ trang, cấm vận, bạo động, nổi loạn, khủng bố hay phá hoại.
- c. Dịch bệnh, bãi công, đình công, lãn công, giải phóng mặt bằng hay các hoạt động ngừng trệ công việc không phải do lỗi của một trong hai Bên gây ra.
- d. Do Bên thứ ba gây nên sự cố điện mà Bên bán điện không thể lường trước được hoặc không thể kiểm soát được.

1.2.1. Hậu quả của Bất khả kháng:

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm hợp đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng (trừ nghĩa vụ thanh toán) khi xảy ra bất khả kháng.

Bất cứ nghĩa vụ nào của mỗi bên nảy sinh trước khi xuất hiện bất khả kháng đều không được miễn trừ do sự kiện bất khả kháng.

1.2.2. Thông báo và khắc phục sự kiện bất khả kháng:

Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn ba (3) ngày kể từ sau khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng phục hồi. Thông báo về bất khả kháng bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành bất khả kháng, tác động của nó với bên bị ảnh hưởng đối với việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

Bên bị ảnh hưởng sẽ nỗ lực tối đa để khắc phục hậu quả của bất khả kháng sao cho việc cung cấp và sử dụng điện được trở lại nhanh nhất. Bên bị ảnh hưởng cung cấp các báo cáo thường xuyên cho bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

- 1.3. Giá trị phân hợp đồng bị vi phạm là giá trị một phân hợp đồng đã không được thực hiện hay thực hiện sai những nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng.

Điều 2. Mua bán điện năng:

- 2.1 Địa điểm, mục đích sử dụng điện, điểm đấu nối cấp điện, chất lượng điện, công suất, sản lượng, chế độ sử dụng điện được ghi tại **Phụ lục I** của hợp đồng này.

- 2.2 Biểu đồ phụ tải, liệt kê các thiết bị sử dụng điện và đặc tính kỹ thuật công nghệ của thiết bị hoặc dây chuyền sản xuất được ghi tại **Phụ lục II** của hợp đồng này.

Điều 3. Đo đếm điện năng và ghi chỉ số công tơ:

- 3.1 Thiết bị đo đếm điện năng được ghi tại **Phụ lục I** của hợp đồng này.
- 3.2 Ghi chỉ số công tơ điện hàng tháng: Bên bán điện thực hiện ghi chỉ số công tơ 1 kỳ trong tháng vào ngày 9, để xác định điện năng tiêu thụ trong kỳ ghi chỉ số công tơ phục vụ cho việc lập hóa đơn thanh toán.

Điều 4. Giá mua bán điện và phương thức thanh toán:

- 4.1 Giá mua bán điện: Thực hiện theo Quy định hiện hành của Nhà nước. Khi Nhà nước thay đổi giá bán điện, hai Bên phải áp dụng biểu giá mới và không nhất thiết phải ký lại hợp đồng.

4.2 Phương thức thanh toán tiền điện:

- a. Hồ sơ thanh toán: Hóa đơn tiền điện.
- b. Loại tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam (VNĐ).
- c. Số lần thanh toán: tương ứng với số kỳ ghi chỉ số công tơ.
- d. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của Bên bán điện, tại một trong các địa chỉ sau:
 - Tài khoản số 102010000279983 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Lức;
 - Tài khoản số 6603201000610 tại Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Bến Lức;
 - Tài khoản số 68010000103225 tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu Tư Và Phát Triển Long An – Phòng Giao Dịch Bến Lức.
 - Tài khoản số 1121000181008 tại Ngân Hàng TMCP An Bình – Phòng Giao Dịch Bến Lức

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán của Bên bán điện, Bên mua điện có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền theo hoá đơn đã phát hành. Quá thời hạn trên mà chưa thanh toán, Bên mua điện phải trả thêm tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên bán điện. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày phải thanh toán đến ngày Bên mua điện thanh toán. Khi Bên bán điện đã thông báo ba lần mà Bên mua điện vẫn

không thanh toán thì sau mười lăm ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu tiên, Bên bán điện có quyền ngừng cấp điện.

Bên bán điện sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên mua điện đã thanh toán đầy đủ tiền điện, tiền lãi do chậm trả và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên bán điện:

5.1 Quyền của Bên bán điện

5.1.1 Được vào khu vực quản lý của Bên mua điện để thao tác; bảo dưỡng; sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên bán điện; kiểm tra hệ thống đo đếm điện năng và liên hệ với Bên mua điện.

5.1.2 Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

5.1.3 Bên bán điện được ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp trong các trường hợp sau:

- a. Do có sự cố xảy ra trong hệ thống điện.
- b. Có nguy cơ gây sự cố, mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện.
- c. Do thiếu công suất dẫn đến đe dọa sự an toàn của hệ thống điện.
- d. Do Bên thứ ba vi phạm hành lang lưới điện gây nên sự cố mà Bên bán điện không kiểm soát được.
- e. Do sự kiện bất khả kháng.

Trong thời hạn 24 giờ Bên bán điện sẽ thông báo cho Bên mua điện biết nguyên nhân, dự kiến thời gian cấp điện trở lại.

5.1.4 Bên bán điện được ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp trong các trường hợp sau:

- a. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo kế hoạch của Bên bán điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện, điều hoà, hạn chế phụ tải do thiếu điện và các nhu cầu khác theo kế hoạch.
- b. Ngừng cấp điện theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong các trường hợp để đảm bảo an toàn phục vụ thi công các công trình.
- c. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo yêu cầu của Bên mua điện.

Trước khi thực hiện Bên bán điện sẽ thông báo cho Bên mua điện biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất **05** (năm) ngày bằng một trong các hình thức thông báo như: điện thoại theo số điện thoại mà Bên mua điện đăng ký với Bên bán điện hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin

đại chúng: Đài Phát Thanh & Truyền hình Long An, Báo Long An, Đài Truyền Thanh Huyện Bến Lức

- 5.1.5 Bên bán điện được ngừng cấp điện khi Bên mua điện vi phạm quy định của pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, trong những trường hợp sau:
- a. Phá hoại các trang thiết bị điện, thiết bị đo đếm điện và công trình điện lực.
 - b. Vi phạm các quy định về an toàn điện trong truyền tải, phân phối và sử dụng điện. Vi phạm các quy định về bảo vệ hành lang an toàn lưới điện, khoảng cách an toàn của đường dây và trạm điện. Không bảo đảm trang thiết bị sử dụng điện, trang thiết bị đấu nối đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện để đấu nối vào lưới điện quốc gia.
 - c. Cản trở việc kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện.
 - d. Trộm cắp điện dưới mọi hình thức.
 - e. Không thực hiện đúng các quy định về thanh toán tiền điện và các thỏa thuận khác trong hợp đồng này.
 - f. Không sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; không thực hiện các quy định về quản lý nhu cầu sử dụng điện.
 - g. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.
 - h. Không thực hiện chế độ sử dụng điện hoặc hạn chế phụ tải theo yêu cầu của Bên bán điện.
 - i. Bên bán điện sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên mua điện trước 24 giờ so với thời điểm ngừng cấp điện. Riêng điểm d nêu trên, Bên bán điện thực hiện ngừng cấp điện ngay, sau đó báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tại địa phương biết.

Việc bán điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên mua điện đã thực hiện các cam kết theo hợp đồng này hoặc các quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mua điện đã thanh toán cho Bên bán điện đủ các chi phí có liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

5.1.6 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2 Nghĩa vụ của Bên bán điện

- 5.2.1 Trong điều kiện hệ thống điện vận hành bình thường, Bên bán điện cung cấp điện đủ công suất, sản lượng điện đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng điện ghi tại **Phụ lục I** của hợp đồng này.
- 5.2.2 Trong điều kiện hệ thống điện bị sự cố mất điện, Bên bán điện nhanh chóng liên hệ với các đơn vị liên quan để biết thông tin về khoảng thời gian dự kiến ngừng cung cấp điện, thông báo kịp thời cho Bên mua điện, đồng thời tiến

hành xử lý sự cố hệ thống điện trong phạm vi quản lý của Bên bán điện (nếu có).

- 5.2.3 Phối hợp với bên mua trong quá trình vận hành các thiết bị tại điểm đấu nối với lưới điện của mình.
- 5.2.4 Thông báo kịp thời cho Bên mua điện về công suất hoặc lượng điện năng cần giảm trong trường hợp đơn vị điều độ hệ thống điện yêu cầu điều hòa phụ tải.
- 5.2.5 Bán điện đúng mức giá quy định ghi tại **Phụ lục I** của hợp đồng này.
- 5.2.6 Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành lưới điện; phương thức vận hành, lệnh chỉ huy, điều khiển của đơn vị điều độ hệ thống điện.
- 5.2.7 Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về quản lý nhu cầu sử dụng điện.
- 5.2.8 Cung cấp thông tin liên quan đến sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.
- 5.2.9 Bồi thường thiệt hại cho Bên mua điện những thiệt hại trực tiếp do lỗi chủ quan của Bên bán điện gây ra, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng.
- 5.2.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Bên bán điện cam kết bồi thường và chịu phạt vi phạm hợp đồng trong các trường hợp sau:

- 6.1 Trì hoãn việc cấp điện theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện đã ký kết, trừ trường hợp do lỗi của Bên mua điện hoặc Bên mua điện có văn bản yêu cầu khác hoặc gặp sự kiện bất khả kháng.
 - 6.1.1 Bồi thường cho Bên mua điện bằng khoản thiệt hại trực tiếp mà Bên mua điện phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.
 - 6.1.2 Mức phạt: Bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
Phương pháp xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm được ghi tại **điểm 1 Phụ lục III** của hợp đồng này.
- 6.2 Bán điện không đảm bảo chất lượng, không đủ số lượng điện năng theo hợp đồng đã ký kết gây thiệt hại cho Bên mua điện, trừ sự kiện bất khả kháng.
 - 6.2.1 Bồi thường thiệt hại cho Bên mua điện bằng giá trị thiệt hại trực tiếp mà Bên mua điện phải chịu do hành vi vi phạm của Bên bán điện.
 - 6.2.2 Mức phạt: Bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm được xác định theo công thức nêu tại **điểm 2 Phụ lục III** của hợp đồng này.
- 6.3 Ghi chỉ số công tơ sai, tính toán hóa đơn sai cho Bên mua điện: Bên bán điện phải hoàn trả cho Bên mua điện số tiền điện đã thu thừa cộng với tiền lãi được tính bằng số tiền phải hoàn trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng Bên mua điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm tính

hóa đơn hoàn trả nhân với số ngày thu thừa kể từ ngày Bên mua điện trả tiền thừa đến ngày Bên bán điện hoàn trả tiền thừa cho Bên mua điện.

- 6.4 Bán sai giá điện của Nhà nước quy định: Bên bán điện phải hoàn trả cho Bên mua điện số tiền điện đã thu thừa cộng với tiền lãi được tính bằng số tiền phải hoàn trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng Bên mua điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm tính hóa đơn hoàn trả nhân với số ngày thu thừa kể từ ngày Bên mua điện trả tiền thừa đến ngày Bên bán điện hoàn trả tiền thừa cho Bên mua điện.

Trường hợp không xác định rõ thời điểm áp dụng sai giá sẽ tính với thời gian là 12 tháng kể từ thời điểm phát hiện trở về trước.

- 6.5 Vi phạm các thoả thuận khác trong hợp đồng mua bán điện được xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua điện:

7.1 Quyền của Bên mua điện.

- 7.1.1 Được cung cấp đủ công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thoả thuận trong hợp đồng.
- 7.1.2 Được Bên bán điện đưa vào danh sách ưu tiên khi thực hiện sa thải (hoặc khôi phục) phụ tải theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện.
- 7.1.3 Được Bên bán điện chuyển đổi phương thức kết dây (nếu có) nhằm đảm bảo khả năng cung cấp điện cho Bên mua điện trong thời gian sự cố.
- 7.1.4 Yêu cầu Bên bán điện kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện.
- 7.1.5 Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin liên quan đến việc mua bán điện và hướng dẫn về an toàn điện.
- 7.1.6 Được bồi thường thiệt hại do Bên bán điện gây ra theo quy định của pháp luật.
- 7.1.7 Yêu cầu Bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán.
- 7.1.8 Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động điện lực của Bên bán điện.
- 7.1.9 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.2 Nghĩa vụ của Bên mua điện.

- 7.2.1 Sử dụng điện đúng mục đích, đúng công suất, điện năng đã thoả thuận tại **Phụ lục I** của hợp đồng này. Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và các khoản thu phát sinh khác theo thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện.
- 7.2.3 Vận hành trang thiết bị điện và lưới điện trong phạm vi quản lý đảm bảo phù hợp với chế độ sử dụng điện tại **Phụ lục I** và các tiêu chuẩn điện áp, an toàn điện.

- 7.2.4 Giảm mức tiêu thụ điện hoặc cắt điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên bán điện trong các trường hợp quy định tại điểm 3, 4 và 5 khoản 1 Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.5 Thông báo cho Bên bán điện biết trước **05** (năm) ngày khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện, trước **15** (mười lăm) ngày khi có nhu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán điện.
- 7.2.6 Thông báo kịp thời cho Bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản.
- 7.2.7 Tạo điều kiện để Bên bán điện kiểm tra việc thực hiện hợp đồng, ghi chỉ số công tơ và liên hệ giải quyết các nhu cầu có liên quan đến việc mua bán điện.
- 7.2.8 Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên bán điện theo quy định của pháp luật.
- 7.2.9 Đầu tư nguồn điện dự phòng để sử dụng khi hệ thống điện quốc gia bị sự cố hoặc thiếu nguồn cung cấp.
- 7.2.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Bên mua điện cam kết bồi thường và chịu phạt trong các trường hợp sau:

- 8.1 Trì hoãn việc thực hiện hợp đồng đã ký kết trừ trường hợp do lỗi của Bên bán điện hoặc Bên bán điện có văn bản yêu cầu khác hoặc gặp sự kiện bất khả kháng.
 - 8.1.1 Bồi thường cho Bên bán điện bằng khoản thiệt hại trực tiếp mà Bên bán điện phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.
 - 8.1.2 Mức phạt: Bằng 8% giá trị nghĩa vụ phần hợp đồng bị vi phạm.
Phương pháp xác định giá trị nghĩa vụ phần hợp đồng bị vi phạm được ghi tại **điểm 3 Phụ lục III** của hợp đồng này.
- 8.2 Sử dụng điện sai mục đích có mức giá cao hơn mức giá đã thỏa thuận trong hợp đồng:
 - 8.2.1 Bồi thường thiệt hại cho Bên bán điện bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm mục đích sử dụng điện cộng với tiền lãi được tính bằng khoản tiền chênh lệch giá nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán nhân với số ngày kể từ ngày sử dụng điện sai mục đích đến ngày thanh toán. Trường hợp không xác định rõ thời điểm vi phạm mục đích sử dụng điện có mức giá cao sẽ tính với thời gian là 12 tháng kể từ thời điểm phát hiện trở về trước.
 - 8.2.2 Mức phạt: Bằng 8% giá trị bồi thường.

- 8.3** Sử dụng quá công suất vào giờ cao điểm đã thỏa thuận ghi tại **Phụ lục I** của hợp đồng này.
- 8.3.1 Bên mua điện phải bồi thường thiệt hại cho Bên bán điện trong trường hợp gây thiệt hại cho Bên bán điện.
- 8.3.2 Mức phạt: Bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.
Phương pháp giá trị phần hợp đồng bị vi phạm được xác định theo công thức ghi tại **điểm 4 Phụ lục III** của hợp đồng này.
- 8.4** Không cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên bán điện trong các trường hợp quy định tại điểm 3, 4 và 5 khoản 1 Điều 5 của hợp đồng này:
- 8.4.1 Bên mua điện phải bồi thường thiệt hại cho Bên bán điện trong trường hợp gây thiệt hại cho Bên bán điện.
- 8.4.2 Mức phạt: Bên mua điện cố tình vi phạm thì Bên bán điện được quyền ngừng cấp điện cho đến khi Bên mua điện có văn bản cam kết và chấp hành việc cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện, đồng thời phải thanh toán đủ cho Bên bán điện khoản tiền phạt vi phạm và các chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.
- 8.5** Gây sự cố đối với lưới điện, làm hư hỏng thiết bị của Bên bán điện:
- 8.5.1 Bồi thường cho Bên bán điện bằng giá trị thiệt hại trực tiếp mà Bên bán điện phải chịu và các khoản lợi trực tiếp mà Bên bán điện đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Bên mua điện, trên cơ sở thỏa thuận giữa hai Bên;
- 8.5.2 Mức phạt: Bằng 8% giá trị bồi thường.
- 8.6** Gian lận trong việc sử dụng điện dưới mọi hình thức:
- 8.6.1 Phải bồi thường thiệt hại cho Bên bán điện bằng giá trị sản lượng điện bị mất do hành vi gian lận gây ra.
- 8.6.2 Mức phạt: Bằng 8% giá trị bồi thường.
Phương pháp xác định giá trị bồi thường được ghi tại **điểm 5.2 Phụ lục III** của hợp đồng này.
- 8.7** Trong thời gian hệ thống đo đếm điện bị mất, hoặc bị hỏng, hoặc ngừng hoạt động nên đo đếm không chính xác, hoặc ghi chỉ số công tơ chưa đúng, hoặc tính toán hóa đơn sai, gây thiệt hại cho Bên bán điện: Bên mua điện phải thanh toán cho Bên bán điện số tiền tính thiếu.
Phương pháp xác định tiền điện tính thiếu ghi tại **điểm 6 Phụ lục III** của hợp đồng này.
- 8.8** Các vi phạm khác bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 9. Phương thức thanh toán tiền bồi thường và tiền phạt:

- 9.1** Trong khi chờ kết quả giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng của các cấp có thẩm quyền, Bên mua điện vẫn phải thanh toán đầy đủ cho Bên bán điện số tiền điện phát sinh hằng tháng theo hóa đơn đã phát hành (nếu có).
- 9.2** Thời hạn thanh toán tiền bồi thường, tiền phạt: Trong thời hạn **05** (năm) ngày làm việc kể từ ngày chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại, tiền phạt, Bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền đã chấp nhận cho Bên bị vi phạm. Quá thời hạn trên mà chưa thanh toán thì:
- 9.2.1** Nếu Bên mua điện được bồi thường và được phạt thì có quyền chậm trả tiền mua điện trong các tháng kế tiếp cho đến khi đủ số tiền được bồi thường, được phạt, Bên mua điện không phải chịu xử lý do chậm trả tiền điện.

Khi Bên bán điện đã thanh toán cho Bên mua điện đủ số tiền phải bồi thường, tiền phạt (nếu có), thì Bên mua điện phải thanh toán ngay cho Bên bán điện số tiền điện đã giữ lại, quá thời hạn **05** (năm) ngày làm việc mà Bên mua điện chưa thanh toán, Bên mua điện phải trả thêm cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên bán điện. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả tính từ ngày Bên mua điện nhận đủ tiền của Bên bán điện đến ngày Bên mua điện thanh toán. Sau **15** (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bên mua điện nhận đủ tiền mà Bên mua điện vẫn không thanh toán thì Bên bán điện có quyền ngừng cấp điện. Bên bán điện sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên mua điện đã thanh toán đầy đủ tiền điện, tiền lãi do chậm trả và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

- 9.2.2** Nếu Bên bán điện được bồi thường và phạt: Trong thời hạn **05** (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán của Bên bán điện, Bên mua điện có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền bồi thường và tiền phạt (nếu có). Quá thời hạn trên mà chưa thanh toán, Bên mua điện phải trả thêm cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên bán điện. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày phải thanh toán đến ngày Bên mua điện thanh toán. Sau mười lăm ngày, kể từ ngày thông báo, Bên mua điện vẫn không thanh toán, Bên bán điện có quyền ngừng cấp điện. Bên bán điện sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên mua điện đã thanh toán đầy đủ tiền bồi thường, tiền phạt (nếu có), tiền lãi do chậm trả và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

Điều 10. Thỏa thuận khác:

Trong trường hợp hệ thống điện bị thiếu công suất hoặc sản lượng điện năng. Hai Bên thống nhất mức giảm công suất, sản lượng và thời gian thực hiện theo phương thức sau:

10.1 Thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện:

10.1.1 Trường hợp phải ngừng, giảm cung cấp điện đột xuất: Bên bán điện thông báo bằng điện thoại cho Bên mua điện trước thời điểm tiến hành ngừng, giảm cung cấp điện.

10.1.2 Trường hợp phải ngừng, giảm cung cấp điện khẩn cấp: Bên bán điện sẽ thông báo bằng điện thoại về nội dung tiết giảm cụ thể cho Bên mua điện biết trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm ngừng, giảm cung cấp điện.

10.1.3. Trường hợp điều hòa tiết giảm phụ tải (theo kế hoạch) Bên bán điện sẽ điện thoại thông báo trước 5 (năm) ngày cho Bên mua điện biết để thực hiện.

10.2 Mức giảm, ngừng cung cấp điện trong trường hợp hệ thống điện thiếu sản lượng:

Căn cứ vào mức phân bổ điện năng được phép sử dụng cho Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, Bên bán điện sẽ thông báo mức sản lượng điện năng được sử dụng của Bên mua điện hàng ngày hoặc trung bình trong 3 ngày.

10.3 Mức giảm, ngừng cung cấp điện trong trường hợp hệ thống điện thiếu công suất:

Căn cứ vào mức công suất được phép sử dụng của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và đặc điểm phụ tải của Bên mua điện, Bên bán điện sẽ trao đổi thống nhất với Bên mua điện mức công suất được phép sử dụng ở các giờ trong ngày.

10.4 Trong trường hợp khẩn cấp, Bên bán điện sẽ thông báo mức công suất cắt cho Bên mua điện bằng điện thoại.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp:

11.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên sẽ giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác nhưng không trái qui định của pháp luật.

11.2 Trường hợp thương lượng không thành, một trong hai Bên có thể đề nghị Sở Công thương nơi đặt trụ sở của Bên mua điện chủ trì hòa giải.

Sau 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nộp đơn đề nghị, Sở Công thương chưa hòa giải hoặc hòa giải không thành thì một trong hai Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thanh lý hợp đồng:

- 12.1 Khi hợp đồng này còn trong thời hạn hiệu lực mà Bên mua điện có văn bản yêu cầu chấm dứt hợp đồng thì: Bên bán điện thực hiện ngừng cung cấp điện đúng thời điểm yêu cầu, đồng thời hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bên bán điện nhận được thông báo.
- 12.2 Bên bán điện thông báo cho Bên mua điện trước 15 ngày khi hợp đồng này hết thời hạn hiệu lực hoặc thời hạn đã gia hạn của hợp đồng, để hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, hai Bên không có thoả thuận ký kết hợp đồng mới hoặc gia hạn hoặc hai bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng này thì Bên bán điện thực hiện ngay việc ngừng bán điện và đương nhiên hợp đồng này hết hiệu lực.
- 12.3 Khi Bên mua điện và Bên bán điện đã ký kết hợp đồng khác thay cho hợp đồng này thì đương nhiên Hợp đồng này hết hiệu lực.
- 12.4 Bên bán điện đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên mua điện không sử dụng điện quá 3 tháng mà không thông báo trước cho Bên bán điện biết, trừ các trường hợp nêu tại khoản 8.1, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 13. Các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của hợp đồng này, bao gồm:

- Phụ lục I : Các điều khoản thoả thuận cụ thể.
- Phụ lục II : Hồ sơ kỹ thuật và tài chính liên quan.
- Phụ lục III : Phương pháp xác định, tính toán bồi thường và phạt.
- Các tài liệu văn bản khác (nếu có) liên quan đến hợp đồng này do hai bên xác nhận.

Điều 14. Điều khoản cuối cùng:

- 14.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.
- 14.2 Thời hạn của hợp đồng này trong thời gian 5 năm bắt đầu từ ngày 15/02/2012 đến 15/02/2017 trừ khi được chấm dứt trước thời hạn theo các điều khoản của hợp đồng.
- 14.3 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai Bên thoả thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không tách rời với hợp đồng chính, có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với

điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

14.4 Hợp đồng này tiếp tục có hiệu lực nếu hai Bên có văn bản thỏa thuận thời gian gia hạn.

Hợp đồng này được lập thành hai (2) bản có giá trị như nhau, Bên bán điện giữ một (01) bản và Bên mua điện giữ một (01) bản.

BÊN MUA ĐIỆN



BÊN BÁN ĐIỆN



PHỤ LỤC I
CÁC ĐIỀU KHOẢN THỎA THUẬN CỤ THỂ

Kèm theo hợp đồng số: 12/F00059

1. Địa điểm dùng điện: Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Đồng Tâm - Khu Công Nghiệp Thuận Đạo, thị trấn Bến lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
 2. Mục đích sử dụng điện: Chiếu sáng công cộng
 3. Điểm đấu nối cấp điện, quy mô công trình cấp điện: trụ số 4 Nhánh rẽ KCN Thuận Đạo 1
 4. Điện áp: 22 kV.
 - Trong điều kiện bình thường: $(12,7/22 \pm 5\%)$ kV, được xác định tại vị trí công tơ đo đếm điện năng khi Bên mua điện đạt hệ số công suất $(\cos\varphi) \geq 0,85$ và thực hiện đúng chế độ sử dụng điện đã thỏa thuận trong hợp đồng này.
 - Trong trường hợp lưới điện chưa ổn định sau sự cố, độ lệch điện áp cho phép: từ $(12,7/22 + 5 \%)$ kV đến $(12,7/22 - 10\%)$ kV.
 5. Tần số: Trong điều kiện bình thường, độ lệch tần số hệ thống điện cho phép trong phạm vi $\pm 0,2\text{Hz}$ so với tần số danh định là 50Hz. Trường hợp sự cố, độ lệch tần số cho phép là $\pm 0,5\text{Hz}$.
 6. Chế độ sử dụng điện theo biểu đồ phụ tải với các thông số cơ bản sau:
 - Công suất sử dụng trung bình ngày: $P_{tb} \leq 6,7 \text{ KW}$
 - Sản lượng điện sử dụng trung bình một tháng: $A_{tb} \leq 2412 \text{ kWh/tháng}$
 - Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm ngày: $P_{maxcdn} \leq 6,7 \text{ kW}$
 - Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm tối: $P_{maxcdt} \leq 6,7 \text{ kw}$.
 - Sản lượng điện sử dụng trong năm: $A_{sd} = 28944 \text{ kWh/năm}$
- Trường hợp hệ thống nguồn điện bị thiếu công suất và sản lượng:
- a) Về công suất: Trong trường hợp hệ thống điện bị thiếu công suất cao điểm, Bên mua điện sẽ thực hiện ngừng sản xuất luân phiên. Trong trường hợp bị thiếu công suất ngắn hạn, Bên bán điện sẽ thông báo trước mức công suất được phép sử dụng như sau:
- + Mức 1 (70%): Công suất lớn nhất được phép sử dụng 4,69 kW
 - + Mức 2 (50%): Công suất lớn nhất được phép sử dụng 3,35 kW

Trường hợp Bên mua điện sử dụng vượt mức công suất được phép sử dụng, Bên bán điện sẽ thực hiện cắt điện để đảm bảo Hệ thống điện Quốc gia vận hành an toàn.

b) Về sản lượng điện: Trường hợp bị thiếu sản lượng điện trong ngắn hạn, Bên bán điện sẽ thông báo trước sản lượng lớn nhất được phép sử dụng so với sản lượng trung bình ngày đăng ký (mức này sẽ được xem xét lại thực tế ở thời điểm cần hạn chế sản lượng) như sau:

+ Mức 1: Giảm 25% sản lượng ngày trung bình đăng ký, tương ứng sản lượng lớn nhất được phép sử dụng là 60 kWh/ngày.

+ Mức 2: Giảm 30% sản lượng ngày trung bình ngày đăng ký, tương ứng sản lượng lớn nhất được phép sử dụng là 56 kWh/ngày.

- Hai bên đối chiếu sản lượng sử dụng 3 ngày một lần. Trường hợp vượt mức sản lượng được phép sử dụng, Bên mua điện phải chịu cắt điện để bù vào sản lượng đã sử dụng vượt.

Biểu đồ phụ tải điện hình, hoặc các biên bản thỏa thuận: Công suất sử dụng giờ cao điểm tối, các phương án giảm mức sử dụng điện; chế độ vận hành thiết bị điện theo từng thời gian được kèm theo **Phụ lục II** hợp đồng này.

7. Bên mua điện thực hiện chế độ sử dụng điện từ 18 giờ đến 6 giờ trong ngày:

- Ngày nghỉ trong tuần không
- Khi hệ thống điện thiếu nguồn, Bên mua điện thực hiện theo thông báo của Bên bán điện.

8. Thiết bị đo đếm điện phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường kiểm định và niêm phong. Biên bản kiểm định; biên bản treo, tháo công tơ đang vận hành theo từng thời gian được lưu giữ kèm theo hợp đồng này.

9. Địa điểm mua điện có 1 điểm đo đếm điện năng: trụ số 1 Nhánh rẽ Công ty Liên Doanh Phát Triển Đầu Tư Khu Công Nghiệp Bến Lức

- Công tơ 3 giá: Là tài sản của Bên bán điện
 - Cấp chính xác: 0,5
- Máy biến điện áp (TU): Là tài sản của Bên mua điện
 - Cấp chính xác: 0,5.
 - Tỷ số biến (sơ cấp/thứ cấp): 12000/120 V.
- Máy biến dòng điện (TI): Là tài sản của Bên mua điện
 - Cấp chính xác: 0,5.
 - Tỷ số biến (sơ cấp/thứ cấp): 5/5 A.
- Hệ số nhân của hệ thống đo đếm điện: 100

- Trách nhiệm bảo vệ, quản lý hệ thống đo đếm điện năng: Bên mua điện có trách nhiệm bảo vệ và quản lý công tơ. Khi một trong hai Bên phát hiện công tơ bị hỏng thì thông báo kịp thời cho Bên kia biết để cùng giải quyết.
- 10. Bên bán sẽ thực hiện ghi chỉ số công tơ: 1 kỳ/tháng, ghi vào ngày 9; có thể dịch chuyển ghi trước hoặc sau 01 ngày.
- 11. Giá bán điện: đơn vị tính đồng/kWh (chưa có thuế GTGT), biểu giá điện theo thời gian được áp dụng theo Thông tư số 42/2011/TT-BCT ngày 19/12/2011 của Bộ Công thương, cụ thể như sau:

Điểm Đo	Mục đích Sử dụng	Mã T.phần Phụ tải	Tỷ lệ (%) hoặc (kWh)	Giá bán điện chưa có thuế GTGT (đ/kWh)			
				Giờ B.Thường		Giờ C.Điểm (từ thứ hai đến thứ bảy) 09h30 - 11h30 17h00 - 20h00	Giờ T.Điểm 22h00-4h00
				Thứ hai đến thứ bả 4h00 - 09h30 11h30 - 17h00 20h00 - 22h00	Ngày chủ nhật 4h00 - 22h00		
1	Sản xuất	43005	100	1128		2049	710

Khi Nhà nước thay đổi giá bán điện, hai bên phải áp dụng biểu giá bán điện mới và không phải ký lại phụ lục hợp đồng.

12. Ranh giới sở hữu tài sản công trình cấp điện:

- Phần tài sản lưới điện 22 kV sở hữu của Bên bán điện tính từ phía lưới điện quốc gia đến điểm đấu nối tại trụ số 4 Nhánh rẽ KCN Thuận Đạo 1 .
- Phần tài sản lưới điện 22 kV sở hữu của Bên mua điện tính từ điểm đấu nối tại trụ số 4 Nhánh rẽ KCN Thuận Đạo 1 về phía Trạm biến áp 3x25 KVA .

13. Ranh giới quản lý vận hành công trình cấp điện cho Bên mua điện:

- Bên bán điện chịu trách nhiệm quản lý vận hành từ điểm đấu nối tại trụ số 4 Nhánh rẽ KCN Thuận Đạo 1 đến điểm đo đếm điện năng tại trụ số 1 Nhánh rẽ Công ty Liên Doanh Phát Triển Đầu Tư Khu Công Nghiệp Bến Lức;
- Bên mua điện chịu trách nhiệm quản lý vận hành phần lưới điện kể từ phía sau điểm đo đếm điện năng tại trụ số 1 Nhánh rẽ Công ty Liên Doanh Phát Triển Đầu Tư Khu Công Nghiệp Bến Lức nhưng phải tuân thủ các quy trình, quy phạm chuyên ngành điện.

PHỤ LỤC II
HỒ SƠ KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH LIÊN QUAN

Kèm theo hợp đồng số: 12/F00059

Bao gồm:

1. Bản vẽ sơ đồ 1 sợi lưới điện từ điểm đầu nối tại trụ số 4 Nhánh rẽ KCN Thuận Đạo 1 về phía Trạm biến áp 3x25 KVA
2. Bảng kê thiết bị sử dụng điện
3. Các biên bản kiểm tra:
 - Biên bản nghiệm thu hệ thống đo đếm.
 - Biên bản treo tháo công tơ.
 - Biên bản kiểm định công tơ.
 - Biên bản kiểm định TU, TI

PHỤ LỤC III

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH, TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG VÀ PHẠT

Kèm theo hợp đồng số: 12/F00059

1. Phương pháp xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm do trì hoãn việc cấp điện theo thời hạn thoả thuận của Bên bán điện gây thiệt hại cho Bên mua điện

Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm được xác định bằng giá trị sản lượng điện đã thoả thuận trong hợp đồng và được tính toán căn cứ vào công suất trung bình đăng ký, thời gian đăng ký mua điện trong ngày, giá điện ghi trong hợp đồng mua bán điện và số ngày trì hoãn được xác định từ thời điểm cam kết cấp điện cho đến thời điểm được cấp điện, theo công thức sau:

$$T = A \times g \times n$$

Trong đó:

- T: Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm (đồng)
- A: Điện năng ngày xác định căn cứ vào các thông số đăng ký trong hợp đồng mua bán điện (công suất trung bình nhân với thời gian).
- g: Giá điện giờ bình thường (đ/kWh)
- n: Số ngày trì hoãn cấp điện

2. Phương pháp xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với hành vi bán điện không đảm bảo chất lượng, không đủ số lượng điện năng theo thoả thuận (trừ sự kiện bất khả kháng) gây thiệt hại cho Bên mua điện

Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm được xác định bằng giá trị sản lượng điện đã thoả thuận trong hợp đồng và được tính toán căn cứ vào công suất trung bình đăng ký, giá điện ghi trong hợp đồng mua bán điện và thời gian bán điện không đảm bảo chất lượng, không đủ số lượng điện năng, theo công thức sau:

$$T = P \times g \times t$$

Trong đó:

- T: Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm (đồng)
- P: Công suất trung bình đăng ký trong hợp đồng mua bán điện (kW)
- g: Giá điện giờ bình thường (đ/kWh)
- t: Thời gian bán điện không đảm bảo chất lượng, không đủ số lượng điện năng (giờ)

3. Phương pháp xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với hành vi trì hoãn thực hiện hợp đồng đã ký kết của Bên mua điện gây thiệt hại cho Bên bán điện

Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm được xác định bằng giá trị sản lượng điện theo thoả thuận trong hợp đồng và được tính toán căn cứ vào công suất đăng ký, thời gian đăng ký mua điện trong ngày, giá điện ghi trong hợp đồng mua bán điện và số ngày chậm sử dụng được xác định từ ngày thoả thuận đóng điện sử dụng đến ngày sử dụng chính thức, tính theo công thức sau:

$$T = A \times g \times n$$

Trong đó:

- T: Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm (đồng)
- A: Điện năng ngày xác định căn cứ vào các thông số đăng ký trong hợp đồng mua bán điện (công suất trung bình ngày nhân với thời gian sử dụng trong ngày)
- g: Giá điện (đồng/kWh)
- n: Số ngày chậm sử dụng điện

4. Phương pháp xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm đối với hành vi sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm trong biểu đồ phụ tải của Bên mua điện

Giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm được xác định theo công thức sau:

$$T = A \times g$$

Trong đó:

- T: Là giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (đồng)
- g: Là giá bán điện trong giờ cao điểm theo biểu giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời gian tính bồi thường (đ/kWh)
- A: Là sản lượng điện vi phạm trong giờ cao điểm (kWh) được tính như sau: A được xác định bằng phần công suất vi phạm trong giờ cao điểm (ΔP) nhân với số giờ cao điểm (4 giờ) của các ngày vi phạm trong tháng

5. Phương pháp tính bồi thường thiệt hại trong trường hợp có hành vi gian lận trong sử dụng điện

5.1 Sản lượng điện phải bồi thường được xác định theo công thức sau:

$$A_{BT} = A_{SD} - A$$

Trong đó:

- A_{BT} : Tổng sản lượng điện phải bồi thường (kWh)

- A_{SD} : Tổng điện năng sử dụng của các thiết bị tiêu thụ điện trong thời gian vi phạm (kWh)
- A_{HD} : Tổng điện năng được thể hiện trên hoá đơn thanh toán tiền điện trong thời gian vi phạm (kWh)

5.2 Tiền bồi thường (chưa bao gồm VAT) được xác định theo công thức sau:

$$T = A_{BT} \times g$$

Trong đó:

- T: Tiền bồi thường (đồng)
- A_{BT} : Sản lượng điện phải bồi thường (kWh)
- g: Giá điện ở mức cao nhất của biểu giá điện do cơ quan có thẩm quyền quy định theo mục đích sử dụng điện thực tế tại thời điểm phát hiện.

5.3 Tổng điện năng sử dụng của thiết bị tiêu thụ điện được xác định theo công thức sau:

$$A_{SD} = (P_1 \times t_1 + P_2 \times t_2 + \dots + P_i \times t_i) \times n$$

Trong đó:

- A_{SD} : Tổng điện năng sử dụng của các thiết bị tiêu thụ điện (kWh)
- P_1, P_2, \dots, P_i : Công suất sử dụng của từng thiết bị tiêu thụ điện (kW)
- t_1, t_2, \dots, t_i : Thời gian sử dụng trong ngày của từng thiết bị (h/ngày)
- n: Số ngày tính bồi thường (ngày)

5.4 Công suất sử dụng của các thiết bị tiêu thụ điện là trị số công suất cao nhất được tính theo một trong các phương pháp sau:

- Công suất tổng đo được tại thời điểm kiểm tra.
- Công suất cao nhất trong biểu đồ phụ tải đăng ký trong hợp đồng mua bán điện.
- Công suất của các thiết bị tại bảng kê công suất thiết bị đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện.
- Tổng công suất của các thiết bị tiêu thụ điện ghi trong biên bản kiểm tra (có thể lấy công suất ghi trên nhãn mác thiết bị của nhà chế tạo).

5.5 Thời gian sử dụng trong ngày của từng thiết bị (t) được xác định căn cứ vào biên bản kiểm tra.

5.6 Số ngày tính bồi thường (n) được xác định như sau:

- Được tính từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến khi phát hiện.
- Trường hợp không xác định được thì số ngày tính bồi thường được tính từ ngày kiểm tra điện gần nhất hoặc từ lần thay thế, sửa chữa hay kiểm tra

định kỳ hệ thống đo đếm điện năng gần nhất đến khi phát hiện, nhưng không quá mười hai tháng.

- Số ngày tính bồi thường được trừ thời gian ngừng cấp điện và ngừng sử dụng điện có lý do.

6. Phương pháp tính tiền điện trong thời gian hệ thống đo đếm bị mất hoặc bị hỏng hoặc ngừng hoạt động hoặc ghi chỉ số công tơ chưa đúng hoặc tính toán hoá đơn sai gây thiệt hại cho Bên bán điện, được tính theo điện năng bình quân ngày của ba chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng điện. Số ngày thực tế sử dụng điện được tính từ ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất đến ngày công tơ điện được phục hồi hoạt động.

Đối với trường hợp, Bên mua điện không sử dụng điện đủ ba chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó thì điện năng bình quân ngày được tính bằng một hoặc 2 (hai) chu kỳ ghi chỉ số trước đó cộng với 2 (hai) hoặc 1 (một) chu kỳ ghi chỉ số sau đó sao cho tổng số chu kỳ ghi chỉ số là 3 (ba).

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN
TÌ LỆ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐIỆN**

(Kèm theo hợp đồng mua bán điện số: 12/F00059 ngày 15/02/2012)

Hôm nay, lúc giờ phút, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Đại diện Bên bán điện, Ông: LÊ HOÀNG OANH Chức vụ: Giám Đốc Điện lực BLúc
Theo giấy ủy quyền số: 8305/UQ-EVN SPC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Đại diện Bên mua điện, Ông: NGUYỄN THANH QUANG Chức vụ: Giám đốc
Theo giấy ủy quyền số 10/2011/UQ-BGĐ/KCN của Công ty Cổ Phần KCN Đồng Tâm ngày
09/11/2011

Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Đồng Tâm - Khu Công Nghiệp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Hai Bên thỏa thuận và thống nhất nội dung về tỷ lệ mục đích sử dụng điện để tính toán định mức giá điện cho Bên mua điện như sau:

1./ Công tơ Bên mua điện đang sử dụng có:

Mã số sổ:....., STT:....., Mã khách hàng: PB06060014642

Số No điện kế:, công suất:A,V, hệ số nhân: 100, điện áp: 22 KV

2./ Tỷ lệ mục đích sử dụng:

2.1 Liệt kê thiết bị sử dụng điện theo từng mục đích:

Mục đích sử dụng điện (ASSH, KDDV, SX, CQ)	Tên thiết bị sử dụng điện	Công suất (KW)	Số lượng (cái)	Tổng Công suất (KW)	Số giờ sử dụng/ngày (giờ)	Điện năng tiêu thụ (kWh/ngày)
(1)	(2)	(3)	(5)	(5)=(3)x(4)	(6)	(7)=(5)x(6)
SX						
TỔNG CỘNG:						

2.2 Xác định tỷ lệ theo từng mục đích sử dụng điện:

Mục đích sử dụng điện	Điện năng tiêu thụ (kWh/ngày)	Tỷ lệ (%)
ASSH		
KDDV		
SX		100
CQ		

3./ Số hộ dùng chung điện kế:

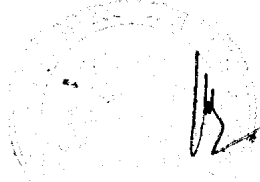
STT	Họ tên & địa chỉ chủ hộ hoặc đại diện dùng điện chung	Hộ khẩu (HK), Số ĐK tạm trú (TT)		Thời gian đăng ký (thuê nhà)	Họ tên và địa chỉ câu nhờ trước đây (nếu có)
		Loại (HK;TT)	Số		
Tổng số hộ dùng chung:					

Biên bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Nhân viên xác minh
(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Thị Lệ Khanh
Đại diện Bên bán điện
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Hoàng Oanh

Đại diện Bên mua điện
(Ký và ghi rõ họ tên)




Nguyễn Thanh Dương